Fill in blanks with the correct prepositions: in, at, on, to, about...

61. include .....: bao gồm 62. keep in touch .....: giữ liên lạc

63. base ..... : dựa vào 64. depend .....: phụ thuộc

65. congratulate .....: chúc mừng

66. concentrate .....= focus .....: tập trung vào 67. save.....: cứu vớt

68. think ...../ ..... : nghĩ về 69. dream .....: mơ ước

70. insist .....: khăng khăng 71. thanks .....: cảm ơn về

72. thanks .....:nhờ vào 73. responde .....: đáp lại

74. send .....: gửi ...đến 75. receive .....: nhận từ

76. write ..... : viết...cho 77. put .....: mang, mặc , đội

78. learnt ..... heart: học thuộc lòng 79. die .....: chết vì....

80. explain..... : giải thích 81. apologize...../ sorry .....:xin lỗi vì

82. help me .....the homework= help me do the homework

83. That's very kind .....you: Bạn thật là tử tế

84. take care .....: chăm sóc 85. hold .....: giữ máy

LIVEWORKSHEETS